Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel

UpCOM: VGI – TÍCH CỰC

BÁO CÁO PHÂN TÍCH
Ngành: Viễn thông

BIẾN ĐỘNG GIÁ

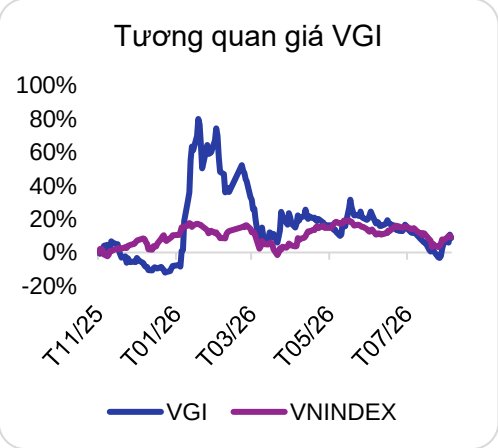

Thông tin giao dịch (07/08/2026)	
Giá hiện tại (VNĐ/cp)	86.500
Giá cao nhất 52W	138.800
Giá thấp nhất 52W	65.000
Số lượng CP niêm yết	3.043.811,200
Số lượng CP lưu hành	3.043.811,200
Sở hữu nước ngoài	0.02%
KLBQ 52W (cp)	829.584
EPS (vnd/cp)	4,026
P/E	21.04x
P/B	6.41x
Vốn hóa (tỷ đồng)	255.071,38

(*) EPS theo BCKQKD 4 quý gần nhất

Analyst: Thạch Ngọc Trung
trungtn@vixs.com

*Chúng tôi đánh giá Viettel Global (VGI) **TÍCH CỰC** nhờ triển vọng tăng trưởng lợi nhuận cao trong những quý tới. VGI hiện là một trong những doanh nghiệp viễn thông có vị thế số 1 tại các thị trường trọng điểm ở Châu Phi (gồm Tanzania, Mozambique, Burundi) và Đông Nam Á (bao gồm Campuchia, Timor Leste).*

Luận điểm đầu tư:

- **Kết quả kinh doanh Q2/2026 duy trì đà tăng trưởng tích cực:** VGI ghi nhận doanh thu thuần 13.610 tỷ đồng, tăng 28% YoY trong khi LNST đạt 4.005 tỷ đồng, tăng 40% YoY, và 72% so với quý trước. Kết quả tích cực được hỗ trợ bởi sự tăng trưởng doanh thu ở các thị trường Burundi (+40%), Haiti (+26%), Tanzania (+26%) và Campuchia (+7%), cùng với doanh thu tài chính tăng mạnh và chi phí tài chính giảm đáng kể, trong đó lãi tiền gửi và cho vay tăng 72,8% lên 1.213 tỷ đồng. Lũy kế 6T2026, doanh thu thuần đạt 26.178 tỷ đồng, tăng 28% YoY, trong khi LNST tăng 94% lên 6.334 tỷ đồng.
- **Đông Nam Á tiếp tục giữ trụ cột lợi nhuận, đóng góp gần 80% LNST:** Trong Q2/2026, khu vực Đông Nam Á ghi nhận doanh thu thuần 5.360 tỷ đồng, tăng 18% YoY, với biên lợi nhuận ròng 90%, đưa LNST đạt 4.824 tỷ đồng tăng 123% YoY. Kết quả tích cực chủ yếu được hỗ trợ bởi chi phí tài chính giảm 1.480 tỷ đồng, nhờ chi phí dự phòng liên quan đến thị trường Myanmar. Lũy kế 6T2026, doanh thu thuần đạt 10.233 tỷ đồng, tăng 21% YoY và LNST đạt 6.514 tỷ đồng, tương đương gần 80% tổng LNST của các khu vực trước loại trừ hợp nhất.
  - **Chỉ tiêu tài chính sau 6 tháng đầu năm :**

  Tốc độ tăng trưởng cao: VGI duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu lũy kế 6 tháng hơn 29%YoY. Đặc biệt tốc độ tăng LNST nhanh hơn đáng kể so với doanh thu với mức tăng 93%.

  Cổ tức tiền mặt quy mô lớn: VGI dự kiến chi trả hơn 10.000 tỷ đồng cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2026, tương ứng tỷ lệ 33%.

  Khả năng sinh lời Q2/2026 tiếp tục cải thiện: Biên lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận ròng lần lượt đạt 51,3% và 29%, cải thiện so với mức 50% và 19% trong Q1/2026. Đồng thời, ROE quý 1 và 2 duy trì trên 26%, cao hơn mức 24,6% của năm 2025. Lũy kế 6T2026, VGI đã hoàn thành khoảng 65% kế hoạch LNST cả năm.

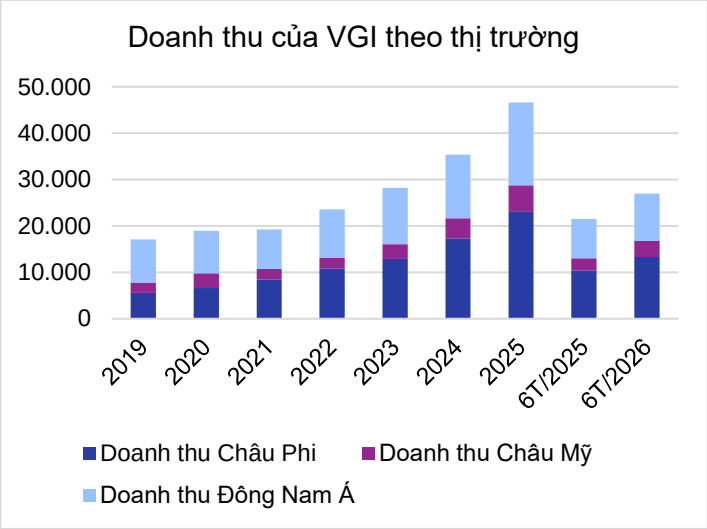

Nguồn: VGI

Nguồn: VGI

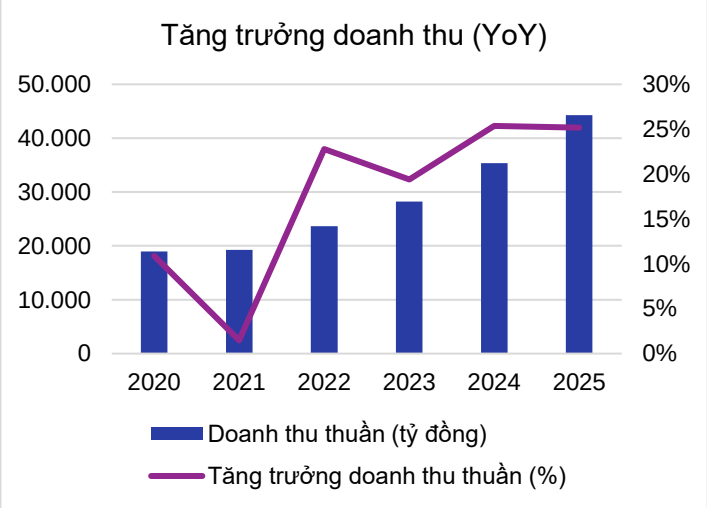

Nguồn: VGI

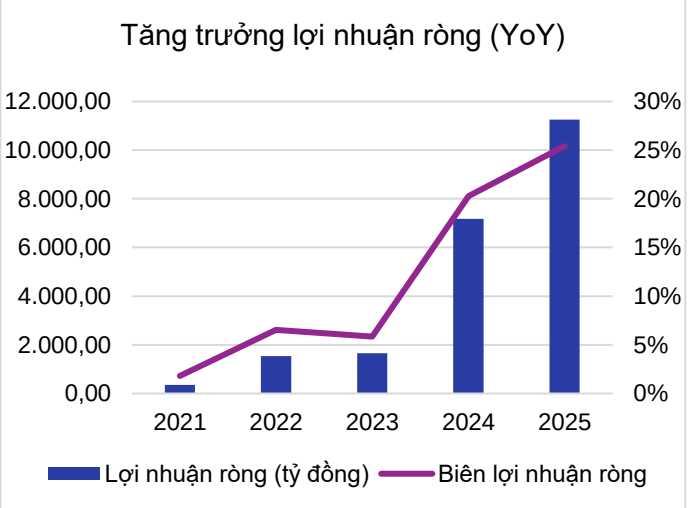

Nguồn: VGI

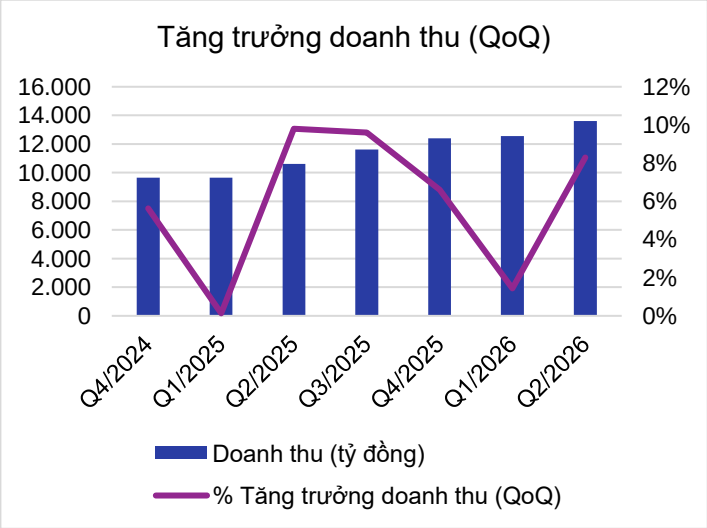

Nguồn: VGI

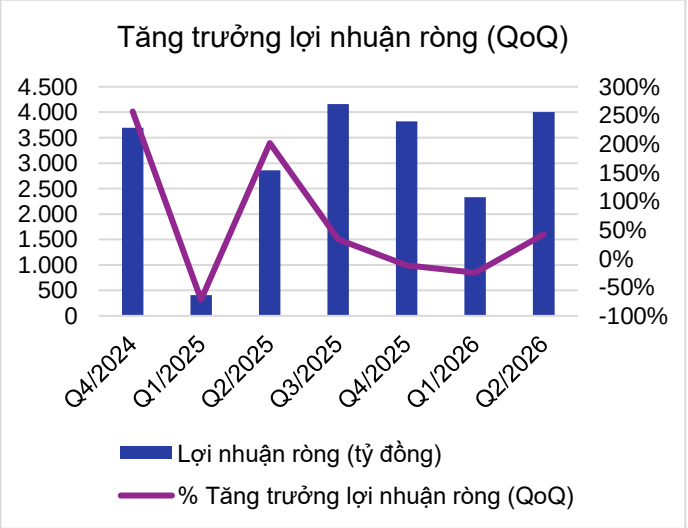

Nguồn: VGI

Nguồn: VGI

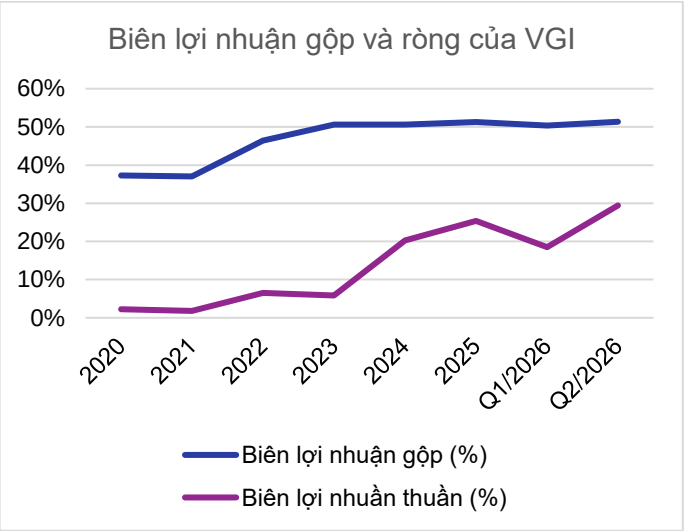

Nguồn: VGI

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

	Đơn vị	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1. Hiệu quả hoạt động								
Hệ số vòng quay tài sản	Lần	0,29	0,32	0,34	0,46	0,55	0,61	0,61
Hệ số vòng quay vốn CSH	Lần	0,64	0,65	0,66	0,82	0,95	1,07	1,13
Hệ số vòng quay khoản phải thu khách hàng	Lần	4	4	3	4	4	6	7
Thời gian trung bình thu tiền khách hàng	Ngày	86	101	117	102	88	66	51
Hệ số vòng quay HTK	Lần	3	5	6	6	5	6	5
Thời gian trung bình xử lý HTK	Ngày	105	75	63	63	68	61	71
Hệ số vòng quay khoản phải trả nhà cung cấp	Lần	1,94	2,02	2,69	3,39	3,48	4,43	3,79
Thời gian trung bình thanh toán cho nhà cung cấp	Ngày	188	180	136	108	105	82	96
Chu kỳ chuyển đổi tiền mặt	Ngày	3	-5	44	57	51	45	26
Chỉ số thanh toán hiện hành	Lần	1,4	1,6	1,8	2,1	2,1	2,2	1,8
Chỉ số thanh toán nhanh	Lần	0,9	0,9	0,9	1,2	1,5	1,8	1,6
2. Sức khỏe tài chính								
Tỷ lệ nợ vay ngắn hạn trên tổng tài sản	%	11%	11%	13%	7%	4%	3%	3%
Tỷ lệ nợ vay ngắn hạn trên VCSH	%	24%	21%	23%	13%	6%	5%	6%
Tỷ lệ nợ vay dài hạn trên tổng tài sản	%	18%	15%	11%	5%	2%	2%	3%
Tỷ lệ nợ vay dài hạn trên VCSH	%	39%	29%	19%	8%	4%	3%	5%
Tỷ lệ nợ vay trên tổng tài sản	%	30%	26%	23%	12%	6%	4%	6%
Tỷ lệ nợ vay trên VCSH	%	61%	50%	42%	20%	10%	8%	12%
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	%	53%	49%	46%	42%	42%	44%	47%
Tỷ lệ nợ phải trả trên VCSH	%	109%	96%	84%	73%	73%	80%	94%
Tỷ lệ đòn bẩy	%	208%	195%	183%	173%	175%	183%	199%
3. Khả năng sinh lợi								
ROA	%	-1%	1%	1%	3%	3%	12%	16%
ROE	%	-2%	2%	-1%	3%	2%	17%	25%
4. Chỉ số tăng trưởng								
Tăng trưởng doanh thu thuần (YoY)	%	1%	11%	1%	23%	19%	25%	25%
Tăng trưởng lãi gộp (YoY)	%	15%	16%	1%	54%	30%	25%	27%
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)	%	-49%	-180%	-19%	344%	7%	335%	57%

HỆ THỐNG NHẬN ĐỊNH TRIỂN VỌNG DOANH NGHIỆP

TÍCH CỰC: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo tăng, với tốc độ tăng **hơn 15%** trong 12 tháng tới hoặc **giá mục tiêu cao hơn 15% giá hiện tại**

TRUNG LẬP: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo **từ -15% đến +15%** hoặc có nhiều thông tin không chắc chắn, khó dự báo hoặc **giá mục tiêu được dự báo -15% đến +15% so với giá hiện tại**

TIÊU CỰC: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo giảm, với tốc độ giảm **dưới -15%** trong 12 tháng tới hoặc **giá mục tiêu được dự báo thấp hơn -15% so với giá hiện tại**

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX ("VIX"). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.